

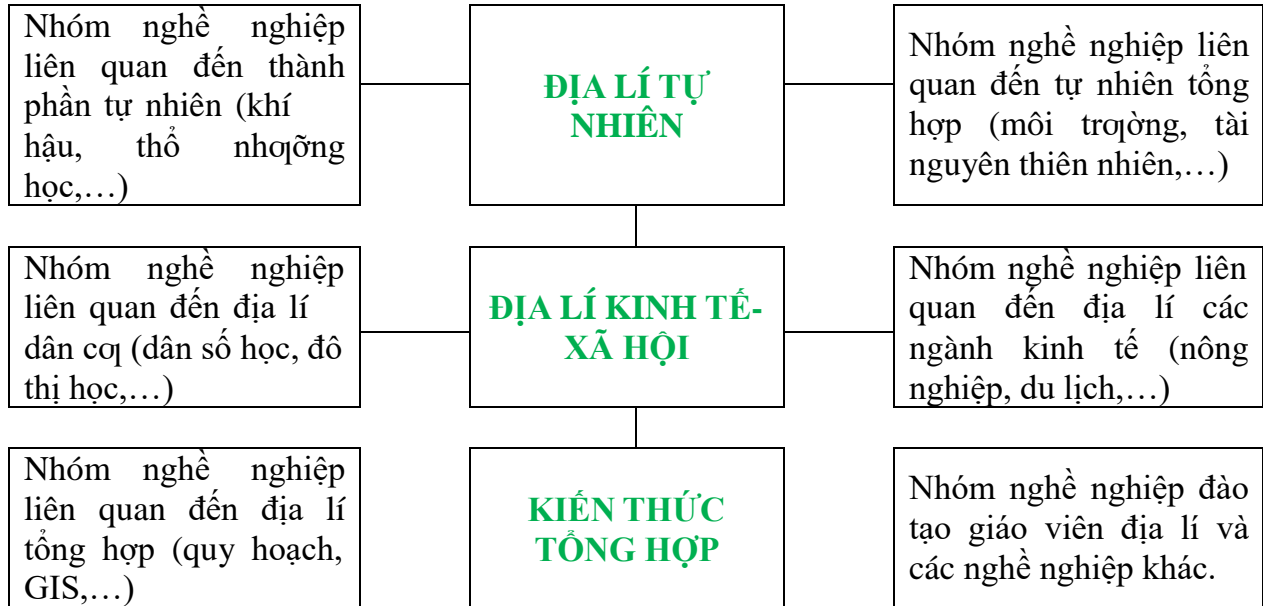
TRƯỜNG THPT UÔNG BÍ

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ - NĂM HỌC 2022-2023

MÔN: ĐỊA LÝ- LỚP 10

A. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM

CHỦ ĐỀ 1: MÔN ĐỊA LÝ VỚI ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH



CHỦ ĐỀ 2: SỬ DỤNG BẢN ĐỒ

I. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP BIỂU HIỆN CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐỊA LÝ TRÊN BẢN ĐỒ

1. PHƯƠNG PHÁP KÍ HIỆU

- Thường được sử dụng để biểu hiện vị trí của những đối tượng địa lý phân bố theo điểm. Ví dụ: trung tâm hành chính, sân bay, nhà ga, điểm dân cư, trung tâm công nghiệp,...
- Kí hiệu bản đồ biểu hiện số lượng, quy mô và chất lượng của đối tượng địa lý. Có ba dạng kí hiệu bản đồ chủ yếu: Dạng chữ; Dạng tượng hình; Dạng hình học.

2. PHƯƠNG PHÁP ĐƯỜNG CHUYỂN ĐỘNG

- Sử dụng để biểu hiện sự di chuyển của các quá trình, đối tượng địa lý tự nhiên và kinh tế-xã hội. Ví dụ: hướng gió, hướng dòng biển, hướng động vật di cư, hướng vận tải hàng hóa, di dân,...
- Màu sắc và kích thước (độ đậm, chiều rộng, chiều dài) các đường chuyển động biểu hiện kiểu loại, khối lượng hay tốc độ di chuyển của đối tượng.

3. PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM

- Sử dụng để biểu hiện các đối tượng địa lý có sự phân bố phân tán trong không gian. Ví dụ: phân bố dân cư, phân bố cơ sở chăn nuôi,... Mỗi chấm tượng ứng với một giá trị nhất định.

4. PHƯƠNG PHÁP KHOANH VÙNG

- Thường sử dụng để biểu hiện những đối tượng địa lý phân bố tập trung (hoặc phổ biến) trên một không gian lãnh thổ nhất định. Ví dụ: sự phân bố các kiểu thảm thực vật, các nhóm đất, các vùng chuyên canh cây trồng,... Mỗi vùng phân bố được xác định bằng nền mà, nét chải hoặc kí hiệu đặc trưng cho đối tượng biểu hiện.

5. PHƯƠNG PHÁP BẢN ĐỒ-BIỂU ĐỒ

- Biểu hiện sự phân bố của đối tượng địa lí bằng cách đặt các biểu đồ vào không gian phân bố của đối tượng địa lí đó trên bản đồ. Ví dụ: cơ cấu sử dụng đất theo lãnh thổ, cơ cấu dân số các quốc gia, diện tích và sản lượng cây trồng,...

* Ngoài ra, còn có các phương pháp biểu hiện bản đồ khác như: phương pháp nền chất lượng, phương pháp đường đẳng trị,...

II. SỬ DỤNG BẢN ĐỒ TRONG HỌC TẬP VÀ ĐỜI SỐNG

- Bản đồ (Atlas) là phương tiện không thể thiếu trong học tập Địa lí. Các bước sử dụng bản đồ trong học tập gồm:

+ Bước 1: Lựa chọn nội dung bản đồ.

+ Bước 2: Đọc chú giải, tỉ lệ bản đồ và xác định phương hướng trên bản đồ.

+ Bước 3: Đọc nội dung bản đồ.

- Bản đồ được sử dụng ngày càng phổ biến trong đời sống. Các bước sử dụng bản đồ trong đời sống cũng tương tự như trong học tập. Tuy nhiên, sự phát triển của các thiết bị điện tử thông minh có trang bị bản đồ số, hệ thống định vị toàn cầu GPS (Global Positioning System) đã giúp cho việc sử dụng bản đồ trong đời sống được thuận tiện hơn. Người sử dụng có thể nhanh chóng khai thác được những thông tin cần thiết tùy theo mục đích sử dụng cụ thể.

III. MỘT SỐ ỨNG DỤNG CỦA GPS VÀ BẢN ĐỒ SỐ TRONG ĐỜI SỐNG

- GPS là một hệ thống các vệ tinh bay xung quanh Trái Đất theo một quỹ đạo chính xác và phát tín hiệu có thông tin xuống Trái Đất. Các máy GPS nhận thông tin này để xác định vị trí của đối tượng trên mặt đất, được hiển thị thông qua hệ tọa độ địa lí và độ cao tuyệt đối.

- Hệ thống GPS thường được kết nối với bản đồ số và phát triển trên môi trường internet, tạo thành hệ thống bản đồ trực tuyến, được tích hợp sẵn trên máy tính hoặc các thiết bị điện tử thông minh.

- Ngày nay, GPS và bản đồ số được ứng dụng rất phổ biến trong đời sống. Ví dụ: xác định vị trí người dùng hoặc các đối tượng địa lí trên bề mặt Trái Đất, tìm kiếm đường đi, giám sát lộ trình, tốc độ di chuyển các phương tiện giao thông trên bản đồ,...

CHỦ ĐỀ 3: TRÁI ĐẤT

I. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH TRÁI ĐẤT

- Có nhiều giả thuyết khác nhau về nguồn gốc của Trái Đất.

- Một số giả thuyết cho rằng, ban đầu hệ Mặt Trời là một đám mây bụi quay tròn gọi là tinh vân Mặt Trời.

Trong khi quay, lực hấp dẫn và quán tính làm đám mây trở nên phẳng như hình dạng một cái đĩa, vuông góc với trục quay của nó. Đồng thời khối bụi lớn nhất tập trung vào trung tâm, nóng lên và cô đặc lại tạo thành Mặt Trời; phần còn lại xung quanh tạo thành các vành xoắn ốc. Các vành xoắn ốc dần kết tụ lại dưới tác dụng của trọng lực và trở thành các hành tinh, trong đó có Trái Đất.

II. VỎ TRÁI ĐẤT. VẬT LIỆU CẤU TẠO VỎ TRÁI ĐẤT

- Vỏ Trái Đất rắn chắc, nằm ngoài cùng của Trái Đất, gồm: vỏ lục địa và vỏ đại dương có độ dày dao động từ 5 km (ở đại dương) đến 70 km (ở lục địa).

- Những vật liệu cấu tạo nên vỏ Trái Đất:

+ Khoáng vật: có khoảng 5000 loại, trong đó 90% là nhóm si-li-cat.

+ Đá gồm 3 loại: mac-ma (khoảng 95%), trầm tích và biến chất.

> Đá mac-ma (gra-nit, ba-dan,...): có các tinh thể thô hoặc mịn nằm xen kẽ nhau. Đá được hình thành từ khối mac-ma nóng chảy ở dưới sâu, khi trào lên mặt đất sẽ nguội và rắn đi.

> Đá trầm tích (đá phiến sét, đá vôi,...): có các lớp vật liệu dày, mỏng với màu sắc khác nhau, nằm song song, xen kẽ với nhau. Đá được hình thành ở những miền đất trũng, do sự lắng tụ và nén chặt của các vật liệu phá hủy từ các loại đá khác nhau.

> Đá biến chất (đá gơnai, đá hoa,...): có các tinh thể màu sắc khác nhau. Đá được hình thành từ các loại đá mac-ma và trầm tích, bị thay đổi tính chất trong điều kiện chịu tác động của nhiệt độ cao và sức nén lớn

III. THUYẾT KIẾN TẠO MẢNG

- Theo thuyết kiến tạo mảng, thạch quyển gồm một số mảng kiến tạo. Các mảng này có bộ phận nổi cao trên mực nước biển là lục địa, các đảo và có bộ phận trũng, thấp bị nước bao phủ là đại dương.
- Các mảng kiến tạo nổi lên trên lớp vật chất quánh dẻo thuộc phần trên của lớp man-ti. Hoạt động của các dòng đối lưu vật chất quánh dẻo và có nhiệt độ cao trong lớp man-ti trên làm cho các mảng không đứng yên mà dịch chuyển trên lớp quánh dẻo này.
- Mỗi mảng kiến tạo đều trôi nổi và di chuyển độc lập với tốc độ chậm (chỉ khoảng vài cm/năm). Trong khi dịch chuyển, các mảng có thể tách rời nhau, xô vào nhau; kết quả là tạo ra các sống núi ngầm, động đất, núi lửa, các dãy núi trẻ,...hiệt độ cao và sức nén lớn.

IV. HỆ QUẢ ĐỊA LÝ CÁC CHUYỂN ĐỘNG CHÍNH CỦA TRÁI ĐẤT

1. HỆ QUẢ CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT

a. SỰ LUÂN PHIÊN NGÀY ĐÊM

- Do Trái Đất hình cầu và tự quay quanh trục nên ở mọi nơi trên bề mặt Trái Đất đều có sự luân phiên ngày và đêm, nhờ đó có sự điều hòa nhiệt độ trên bề mặt Trái Đất □ Đây là yếu tố quan trọng cho sự sống tồn tại và phát triển.

b. GIỜ TRÊN TRÁI ĐẤT

- Do Trái Đất hình cầu và tự quay quanh trục nên các địa điểm trên cùng một kinh tuyến có một giờ riêng gọi là giờ địa phương □ tại cùng một thời điểm, các địa điểm nằm trên các kinh tuyến khác nhau có giờ địa phương khác nhau.

- Để thuận lợi cho sinh hoạt hằng ngày của mỗi quốc gia, người ta phải quy định một giờ thống nhất cho từng khu vực, gọi là giờ khu vực (múi giờ). Trên bề mặt Trái Đất có 24 khu vực giờ. Giờ của kinh tuyến đi qua giữa khu vực được lấy làm giờ chung cho cả khu vực đó.

- Để thống nhất việc sử dụng giờ trên toàn thế giới, Hội nghị quốc tế về kinh tuyến họp tại Oa-sinh-ton (Hoa Kỳ) vào năm 1884 đã thống nhất lấy giờ ở khu vực giờ có kinh tuyến gốc đi qua làm giờ quốc tế hay còn gọi là giờ GMT (Greenwich Mean Thời gian) và đánh số 0.

- Trái Đất hình cầu nên khu vực giờ số 0 đối diện với khu vực giờ số 12, ở đây sẽ có hai ngày lịch khác nhau □ kinh tuyến 180° đi qua giữa khu vực giờ số 12 được lấy làm đường chuyển ngày quốc tế. Nếu đi từ phía tây sang phía đông qua kinh tuyến 180° sẽ lùi lại một ngày lịch và ngược lại thì sẽ tăng thêm một ngày lịch để phù hợp với thời gian nơi đến.

2. HỆ QUẢ CHUYỂN ĐỘNG QUANH MẶT TRỜI CỦA TRÁI ĐẤT

a. CÁC MÙA TRONG NĂM

- Trong khi chuyển động quanh Mặt Trời, trục của Trái Đất luôn nghiêng và không đổi phương nên có lúc bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời, có lúc bán cầu Nam ngả về phía Mặt Trời. Do thời gian chiếu sáng và lượng nhiệt thu nhận được ở mỗi bán cầu có sự thay đổi trong năm nên sinh ra các mùa.

- Mỗi mùa trong năm có sự khác nhau về thời tiết, khí hậu và độ dài ngày đêm. Thời gian bắt đầu và kết thúc mỗi mùa cũng có sự khác nhau theo cách tính lịch dương hoặc âm. Ở vùng ôn đới, một năm có bốn mùa khá rõ rệt; ở vùng nhiệt đới, mùa xuân và mùa thu thòong ngắn, không rõ rệt. Mùa ở hai bán cầu luôn trái ngược nhau.

- Thời gian bắt đầu và kết thúc các mùa ở bán cầu Bắc theo dương lịch:

- + Mùa xuân: từ 21/3 (xuân phân) đến 22/6 (hạ chí).
- + Mùa hạ: từ 22/6 (hạ chí) đến 23/9 (thu phân).
- + Mùa thu: từ 23/9 (thu phân) đến 22/12 (đông chí)
- + Mùa đông: từ 22/12 (đông chí) đến 21/3 (xuân phân).

b. NGÀY ĐÊM DÀI NGẮN THEO VĨ ĐỘ

- + Ngày 22-6: Ở bán cầu Bắc càng xa xích đạo ngày càng dài ra và đêm càng ngắn lại; Còn ở bán cầu Nam thì ngược lại ngày càng ngày càng ngắn và đêm càng dài.
- + Ngày 22-12: Ở bán cầu Bắc càng xa xích đạo ngày càng ngắn, đêm càng dài ra; Còn ở bán cầu Nam thì ngày càng dài, đêm ngắn lại.

□ Do trục Trái Đất luôn nghiêng và không đổi phương khi chuyển động quanh Mặt Trời nên có hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo vĩ độ. Độ dài ngày đêm chênh lệch nhau càng nhiều khi đi từ xích đạo về phía hai cực.

CHỦ ĐỀ 4: THẠCH QUYỂN

I. THẠCH QUYỂN

- Là phần trên cùng của Trái Đất, bao gồm vỏ Trái Đất và phần trên của lớp man-ti. Thành phần cấu tạo của thạch quyển chủ yếu là các đá ở thể rắn.
- Giới hạn của thạch quyển ở độ sâu khoảng 100 km. Độ dày không đồng nhất, mỏng hơn ở vỏ đại dương và dày hơn ở vỏ lục địa.

II. KHÁI NIỆM VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NỘI LỰC

- Nội lực là lực sinh ra từ bên trong Trái Đất.
- Nguyên nhân của nội lực chủ yếu do nguồn năng lượng từ quá trình phân hủy các chất phóng xạ, sự sắp xếp vật chất theo trọng lực và các phản ứng hóa học,... xảy ra bên trong Trái Đất.

III. TÁC ĐỘNG CỦA NỘI LỰC ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH ĐỊA HÌNH

- Nội lực tạo ra các vận động kiến tạo, làm biến dạng vỏ Trái Đất, tạo nên sự thay đổi địa hình.

* *Hiện tượng uốn nếp*

- Tại những khu vực cấu tạo bằng các loại đá mềm, vận động nén ép làm cho vỏ Trái Đất bị uốn nếp. Nếu cường độ nén ép mạnh sẽ hình thành các vùng núi uốn nếp: hệ thống núi Hi-ma-laya, An-đét, Coóc-đi-e

* *Hiện tượng đứt gãy*

- Tại những khu vực cấu tạo bởi đá cứng, vận động kiến tạo làm lớp đá của vỏ Trái Đất bị nứt vỡ, hình thành các vết nứt hoặc đứt gãy kéo dài. Hai bên đứt gãy có bộ phận dọic nâng lên (tạo thành dãy núi, khối núi,...) và có bộ phận hạ thấp (tạo thành thung lũng).

- Các đứt gãy lớn đã tạo điều kiện để hình thành nhiều thung lũng sông trên bề mặt Trái Đất.

- Dọc theo đứt gãy có thể hình thành biển hoặc các hồ tự nhiên, VD: biển đỏ và các hồ ở khu vực phía đông lục địa Phi.

* *Hoạt động núi lửa*

- Hoạt động núi lửa có thể xuất hiện trên lục địa và trên biển, đại dương. Núi lửa làm thay đổi địa hình do hoạt động phun trào và đông cứng mac-ma trên bề mặt Trái Đất.

- Trên lục địa, hoạt động núi lửa tạo thành các ngọn núi lửa đứng độc lập hoặc tập hợp thành khối, dãy núi lửa. Miệng núi lửa đã ngừng hoạt động thường tạo thành thung lũng hoặc hồ tự nhiên (hồ núi lửa).

- Dọc theo các đứt gãy, hoạt động núi lửa có thể phun trào mac-ma trên diện rộng, tạo thành những bề mặt địa hình rộng lớn, VD: các cao nguyên ba-dan ở Tây Nguyên của nước ta.

- Hoạt động núi lửa còn tạo nên các đảo, quần đảo ở nhiều vùng biển và đại dương trên thế giới.

IV. SỰ PHÂN BỐ CÁC VÀNH ĐẠI ĐỘNG ĐẤT, NÚI LỬA TRÊN TRÁI ĐẤT

- Vành đai động đất: phía tây châu Mỹ, giữa Đại Tây Dương, từ Địa Trung Hải qua Nam Á đến In-đô-nê-xi-a, phía tây Thái Bình Dương.
- Vành đai núi lửa: phía tây châu Mỹ, đông Đại Tây Dương, từ Địa Trung Hải qua Nam Á đến In-đô-nê-xi-a, phía tây Thái Bình Dương.
- Các vành đai động đất, núi lửa nằm ở nơi tiếp xúc của các mảng kiến tạo, nơi diễn ra sự chuyển dịch của các mảng (tách rời hoặc xô húc nhau).
- Động đất, núi lửa thường tập trung ở ranh giới các mảng thạch quyển, tạo nên các vành đai động đất và vành đai núi lửa trên Trái Đất.

V. NGOẠI LỰC VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NGOẠI LỰC ĐẾN ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT

1. KHÁI NIỆM VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NGOẠI LỰC

- Ngoại lực là lực sinh ra trên bề mặt Trái Đất.
- Năng lượng bức xạ Mặt Trời là nguyên nhân chủ yếu của ngoại lực. Các yếu tố khí hậu, thủy văn và sinh vật là những nhân tố tác động của ngoại lực.

2. TÁC ĐỘNG CỦA NGOẠI LỰC ĐẾN ĐỊA HÌNH

- Ngoại lực tác động đến địa hình bề mặt Trái Đất thông qua các quá trình: phong hóa, bóc mòn, vận chuyển và bồi tụ.

- Các quá trình ngoại lực không có ranh giới rõ ràng và chúng có thể đan xen lẫn nhau.

a. QUÁ TRÌNH PHONG HÓA

- Phong hóa là quá trình phá hủy và làm biến đổi các loại đá và khoáng vật do tác động của các nhân tố ngoại lực.

- Các loại phong hóa chủ yếu là phong hóa lí học, phong hóa hóa học và phong hóa sinh học.

+ Phong hóa lí học

- > Là quá trình phá hủy, làm các đá, khoáng vật bị vỡ với kích thước khác nhau nhưng không thay đổi thành phần và tính chất.

- > Thường xảy ra mạnh ở những nơi nhiệt độ có sự dao động lớn theo ngày-đêm và ở những khu vực bề mặt có nước bị đóng băng.

- > Sự dao động nhiệt cũng có thể làm khối đá bị tách vỡ do nước trong các khe nứt bị đóng băng vào ban đêm hoặc vào mùa đông.

+ Phong hóa hóa học

- > Là quá trình phá hủy, làm biến đổi thành phần, tính chất của đá và khoáng vật do tác động của nước, nhiệt độ, các chất hòa tan trong nước (khí ô-xy, khí cac-bo-nic, a-xit hữu cơ, a-xit vô cơ,...).

- > Diễn ra mạnh trong điều kiện khí hậu nóng ẩm.

- > Ở những nơi có đá dễ hòa tan (đá vôi, thạch cao,...), phong hóa hóa học thường tạo nên những dạng địa hình cac-xtơ trên bề mặt và cac-xtơ ngầm rất độc đáo.

+ Phong hóa sinh học

- > Là quá trình phá hủy đá và khoáng vật dưới tác động của sinh vật (thực vật, nấm, vi khuẩn,...) làm các đá bị biến đổi cả về mặt lí học và hóa học.

- > VD: sự phát triển của rễ cây làm đá bị nứt vỡ, các chất hữu cơ từ hoạt động sống của sinh vật có thể làm các đá bị biến đổi về thành phần, tính chất,...

- Sản phẩm của quá trình phong hóa là vỏ phong hóa. Trên bề mặt Trái Đất, vỏ phong hóa dày ở vùng nhiệt đới ẩm và mỏng ở vùng khô hạn, lạnh giá.

b. QUÁ TRÌNH BÓC MÒN

- Bóc mòn là quá trình các nhân tố ngoại lực (nước chảy, gió, sóng biển, băng hà,...) làm dời chuyển các sản phẩm đã bị phong hóa ra khỏi vị trí ban đầu. Địa hình do bóc mòn rất đa dạng về tên gọi và hình thái tùy thuộc vào các nhân tố tác động.

- Xâm thực là quá trình bóc mòn do dòng nước tạo thành các dạng địa hình khác nhau như khe rãnh, mương xói, thung lũng sông,...

- Thổi mòn (khoét mòn) là quá trình bóc mòn do gió tạo thành các dạng địa hình khác nhau như nấm đá, rãnh thổi mòn, hoang mạc đá,...
- Mài mòn là quá trình bóc mòn do sóng biển tạo thành các vách biển, hàm ếch, nền mài mòn,...
- Nạo mòn là quá trình bóc mòn do băng hà tạo thành các dạng địa hình chủ yếu là mảng băng, phi-o, đá trán cừ,...

c. QUÁ TRÌNH VẬN CHUYỂN VÀ BỒI TỤ

- Vận chuyển:

- + Là sự tiếp nối của quá trình bóc mòn, làm vật liệu di chuyển theo các nhân tố ngoại lực.
- + Khoảng cách (xa hay gần) và hình thức vận chuyển (lăn, nhảy cóc hoặc cuốn theo các nhân tố ngoại lực) phụ thuộc vào kích thước, khối lượng vật liệu, tốc độ di chuyển của các nhân tố ngoại lực.
- + Vận chuyển có vai trò cung cấp nguồn vật liệu cho quá trình bồi tụ.
- Bồi tụ: là sự kết thúc của quá trình vận chuyển, làm tích tụ vật liệu tạo nên các dạng địa hình như: nón phóng vật (do dòng chảy tạm thời), bãi bồi và đồng bằng châu thổ (do dòng chảy thường xuyên); thạch nhũ (do kết tủa hóa học trong hang động); đụn cát, cồn cát (do gió); bãi biển, cồn cát ngầm (do sóng biển); đồng bằng băng thủy (do băng tan),...

CHỦ ĐỀ 5: KHÍ QUYỂN

I. KHÁI NIỆM KHÍ QUYỂN

- Khí quyển là lớp không khí bao quanh trái Đất, thường xuyên chịu ảnh hưởng của vũ trụ, trở lại Mặt Trời.
- Không khí bao gồm các thành phần: khí ni-tơ (78%); khí ô-xy (21%); hơi nước, khí cac-bo-nic và các khí khác (1%).
- Cấu tạo khí quyển gồm một số tầng: tầng đối lưu (chứa đến 80% khối lượng không khí của khí quyển, có ảnh hưởng lớn đến đời sống của con người và sinh vật), tầng bình lưu, tầng giữa, tầng nhiệt và tầng ngoài cùng.

II. SỰ PHÂN BỐ NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRÊN TRÁI ĐẤT

1. THEO VĨ ĐỘ ĐỊA LÍ

- Nhiệt lượng bức xạ mặt trời ngoài một phần trực tiếp đốt nóng không khí, còn phần lớn là do bề mặt đất hấp thụ sau đó phản hồi vào không khí, tạo nên nhiệt độ không khí.
- Nhiệt lượng bức xạ mặt trời đến bề mặt Trái Đất thay đổi theo góc chiếu của tia bức xạ mặt trời.
- Do góc chiếu thay đổi theo vĩ độ nên nhiệt độ không khí cũng thay đổi theo vĩ độ.

2. THEO LỤC ĐỊA VÀ ĐẠI DƯƠNG

- Nhận xét sự thay đổi của nhiệt độ trung bình tháng 1, tháng 7 và biên độ nhiệt độ năm ở các địa điểm nằm từ tây sang đông trên khoảng vĩ tuyến 48°B
- + Nhiệt độ tháng 1: Càng vào sâu trong nội địa nhiệt độ càng giảm (Bret 16,9°C; Mui-nich -0,5°C; Bra-ti-xia-va -1°C và Đô-net -4,3°C).
- + Nhiệt độ tháng 7: Càng vào sâu trong nội địa nhiệt độ càng tăng lên (Bret 6,9°C; Mui-nich 17,8°C; Bra-ti-xia-va 21,3°C và Đô-net 21,7°C).
- Sự thay đổi nhiệt độ theo lục địa và đại dương
- + Do sự hấp thụ và tỏa nhiệt khác nhau giữa lục địa và đại dương nên nhiệt độ không khí cũng có sự khác biệt giữa lục địa và đại dương.
- + Mặc dù ở cùng vĩ độ nhưng nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ năm không giống nhau giữa lục địa và đại dương.
- + Càng vào sâu trong lục địa, biên độ nhiệt độ càng tăng do ảnh hưởng của biển giảm.

+ Nhiệt độ không khí cũng có sự thay đổi giữa bờ tây và bờ đông của lục địa do ảnh hưởng của các dòng biển.

3. THEO ĐỊA HÌNH

- Nhiệt độ không khí tại điểm: A-6°C; B-9°C; C-12°C; D-18°C. Nguyên nhân có sự khác nhau về nhiệt độ tại các địa điểm là do càng lên cao nhiệt độ càng giảm, cứ lên cao 100m thì nhiệt độ giảm xuống 0,6°C.

- Sự phân bố nhiệt độ không khí theo địa hình:

+ Độ cao, độ dốc, hướng sườn núi và hình thái địa hình đều có tác động đến sự thay đổi của nhiệt độ.

+ Càng lên cao, không khí càng loãng, bức xạ nhiệt của mặt đất càng mạnh nên nhiệt độ càng giảm. Lên cao 100 m, nhiệt độ giảm 0,6°C.

+ Sườn phơi nắng có nhiệt độ cao hơn sườn khuất nắng.

+ Địa hình cao, thoáng gió có biên độ nhiệt độ ngày đêm nhỏ hơn so với địa hình thấp trũng, khuất gió.

CHỦ ĐỀ 6: THỦY QUYỀN

I. THỦY QUYỀN- NƯỚC TRÊN LỤC ĐỊA

1. Khái niệm

Thủy quyền là lớp nước trên bề mặt trái đất bao gồm: nước trong các biển đại dương, nước trên lục địa và hơi nước trong khí quyển

Nước ngọt chiếm 3%, phần lớn là băng, tuyết ở 2 cực và trên các đỉnh núi cao.

2. Một số nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông



Hình 10.1. Sơ đồ các nhân tố ảnh hưởng đến chế độ nước sông

3. Phân loại hồ theo nguồn gốc hình thành:

Loại hồ		Nguồn gốc hình thành	Ví dụ
Tự nhiên	Hồ móng ngựa	Do quá trình uốn khúc và đổi dòng của sông ở các vùng đồng bằng.	Hồ Tây (Hà Nội).
	Hồ kiến tạo	Hình thành ở những vùng trũng trên các đứt gãy kiến tạo.	Các hồ ở khu vực Đông Phi.
	Hồ băng hà	Do quá trình xâm thực của băng hà	Vùng Hồ Lớn (Ngũ Hồ) ở

		lục địa, phổ biến ở các nước vùng vĩ độ cao như Phần Lan, Ca-na-da, Liên bang Nga,...	lục địa Bắc Mỹ.
	Hồ miệng núi lửa	Hình thành từ các miệng núi lửa đã ngừng hoạt động.	Hồ To-ba trên đảo Su-ma-tra (In-đô-nê-xi-a); Hồ Qui-lo-toa (Ê-cua-đo).
	Hồ nhân tạo	Do con người tạo ra.	Hồ thủy điện Hòa Bình (sông Đà)

II. NƯỚC BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG

1. Tính chất của nước biển và đại dương:

- Độ muối: Độ muối trung bình của nước biển là 35‰ và thay đổi theo không gian:
- + Tăng dần từ ven bờ ra đại dương.
- + Tăng dần từ cực về xích đạo
- Nhiệt độ:
- + Nhiệt độ trung bình bề mặt của toàn bộ đại dương khoảng 17,5⁰ C.
- + Nhiệt độ nước biển thay đổi theo mùa trong năm: mùa hè cao hơn mùa đông.
- + Nhiệt độ nước biển giảm dần từ xích đạo về phía 2 cực và thay đổi theo độ sâu.

2. Sóng biển:

- Sóng biển là sự dao động tại chỗ của nước biển theo chiều thẳng đứng.
- Nguyên nhân: Sóng phát sinh chủ yếu là do gió. Chính vì thế, hướng và độ cao của sóng có sự phù hợp với hướng và tốc độ gió trên biển, đại dương.
- Ngoài ra, sóng có thể được hình thành do bão, động đất, núi lửa...
- Sóng bị suy yếu và tan rã khi tiến vào bờ do bị ma sát với đáy biển. Đáy biển càng nông, tốc độ suy yếu và tan rã của sóng càng nhanh.
- Các loại sóng: sóng lừng, sóng thần, sóng bạc đầu...
- Sóng thần:
- + Đặc điểm: có chiều cao khoảng 20 - 40 m truyền theo chiều ngang. Tốc độ có thể tới 400 - 800 km/h.
- + Nguyên nhân: Do động đất, núi lửa phun ngầm dưới đáy biển gây ra, ngoài ra còn do bão.
- + Tác hại: Sóng thần khi tràn vào bờ có sức tàn phá rất lớn.
- Ý nghĩa: sản xuất ra điện, tạo nên các dạng địa hình độc đáo vùng ven biển thuận lợi cho phát triển du lịch.

3. Thủy triều

a. Khái niệm

Thủy triều là hiện tượng dao động thường xuyên, có chu kì của các khối nước trong biển và đại dương.

b. Nguyên nhân

Được hình thành chủ yếu do sức hút của Mặt Trăng và Mặt Trời đối với lớp nước trên Trái Đất.

c. Đặc điểm

- + Triều cường: Khi Mặt Trời, Mặt Trăng và Trái Đất cùng nằm trên một đường thẳng thì dao động thủy triều lớn nhất.
- + Triều kém: Khi Mặt Trời, Mặt Trăng và Trái Đất nằm vuông góc với nhau thì dao động thủy triều nhỏ nhất.

d. Ý nghĩa:

- Tích cực: làm thủy lợi, sản xuất điện, đánh bắt nuôi trồng thủy sản, làm muối; thời xa xưa cha

ông ta lợi dụng thủy triều để đánh quân xâm lược.

- Tiêu cực: ngập lụt, xâm nhập mặn.

4. Dòng biển

a. Phân loại

Có hai loại: dòng biển nóng và dòng biển lạnh.

b. Phân bố:

- Chuyển động của dòng biển tạo thành những vòng tuần hoàn trên các đại dương và biểu hiện rõ rệt trong khoảng vĩ độ nhiệt đới, ôn đới ở 2 bán cầu.

- Các dòng biển nóng thường phát sinh ở 2 bên xích đạo, chảy về hướng Tây, khi gặp lục địa chuyển hướng chảy về phía cực

- Các dòng biển lạnh xuất phát từ khoảng vĩ tuyến $30^0 - 40^0$ gần bờ đông của đại dương chảy về phía xích đạo

- Ở vùng gió mùa thường xuất hiện các dòng biển đổi chiều theo mùa

- Các dòng biển nóng và lạnh đối xứng nhau qua các đại dương.

- Trên vùng vĩ độ cao của bán cầu Bắc, các dòng biển chuyển động rất phức tạp do phụ thuộc vào nhiều nhân tố, đặc biệt là hình thái địa hình bờ biển. Ở vùng vĩ độ cao của bán cầu Nam, dòng biển có hướng ổn định từ tây sang đông.

c. Ý nghĩa:

- Về kinh tế: sản xuất ra điện, nơi dòng biển nóng và lạnh gặp nhau tạo nên các ngư trường cá tôm lớn.

- Về khí hậu: nơi dòng biển nóng đi qua thì mưa nhiều, khí hậu thuận lợi cho phát triển NN và ngược lại nơi có dòng biển lạnh đi qua ít mưa gây khô hạn.

5. Vai trò của biển và đại dương

- Cung cấp tài nguyên sinh vật

- Cung cấp tài nguyên khoáng sản

- Cung cấp năng lượng

- Phát triển các ngành kinh tế biển

CHỦ ĐỀ 7: SINH QUYỀN

I. ĐẤT VÀ VỎ PHONG HÓA

Đất được hình thành tại chỗ do quá trình phong hóa của đá gốc, có thành phần khoáng vật, thành phần cơ giới và tính chất đất phụ thuộc vào lớp vỏ phong hóa.

II. CÁC NHÂN TỐ HÌNH THÀNH ĐẤT

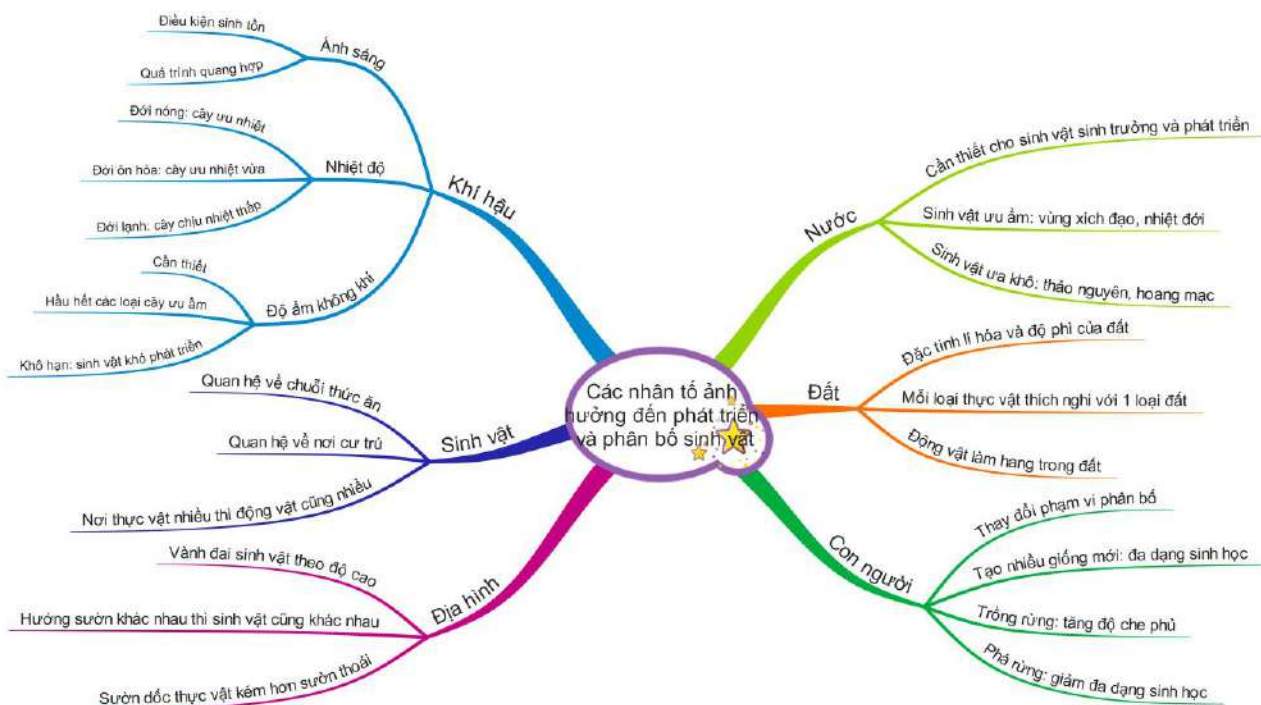
Nhân tố	Tác động
Đá mẹ	Cung cấp vật chất vô cơ, quyết định đến thành phần khoáng vật, thành phần cơ giới của đất.
Khí hậu	Nhiệt và ẩm làm phá hủy đá gốc tạo ra các sản phẩm phong hóa và tiếp tục phong hóa thành đất; ảnh hưởng đến chế độ nhiệt ẩm của đất, sự hòa tan, rửa trôi hoặc tích tụ vật chất trong các tầng đất.
Sinh vật	Cung cấp chất dinh dưỡng cho đất; thực vật cung cấp chất hữu cơ, vi sinh vật phân giải xác thực vật và động vật tổng hợp thành mùn. Động vật sống trong đất có vai trò cải tạo đất.
Địa hình	- Độ cao: Những vùng núi cao, do nhiệt độ thấp nên quá trình phong hóa diễn ra chậm làm quá trình hình thành đất diễn ra yếu. - Hướng sườn: Sườn đón nắng và đón gió ẩm có nhiệt ẩm dồi dào hơn sườn

	<p>khuất nắng, khuất gió nên đất giàu mùn hơn.</p> <p>- Độ dốc: Địa hình dốc có sự xâm thực và xói mòn diễn ra mạnh hơn, nhất là trong điều kiện mất lớp phủ thực vật nên tầng đất thường mỏng và bị bạc màu. Địa hình bằng phẳng có quá trình bồi tụ chiếm ưu thế nên tầng đất dày và giàu chất dinh dưỡng hơn.</p> <p>- Hình thái địa hình: Nơi trũng thấp ngập nước thường xuyên có đất khác với nơi cao ráo thoát nước tốt.</p>
Thời gian	Thời gian từ khi một loại đất bắt đầu được hình thành đến nay được gọi là tuổi đất. Trong thời gian đó xảy ra toàn bộ các hiện tượng của quá trình hình thành đất, tác động của các nhân tố hình thành đất.
Con người	Hoạt động sản xuất của con người làm cho đất tốt lên hay xấu đi.

III. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ GIỚI HẠN CỦA SINH QUYỀN

- Sinh quyển là toàn bộ sinh vật sinh sống trên Trái Đất, tạo thành một quyển của Trái Đất.
- Đặc điểm:
 - + Là các cơ thể sống bao gồm thực vật, động vật và vi sinh vật.
 - + Sinh quyển có đặc tính tích lũy năng lượng.
 - + Sinh quyển có ảnh hưởng đến các quyển khác trên Trái Đất.
- Phạm vi, giới hạn: gồm phần thấp của khí quyển (tầng đối lưu), toàn bộ thủy quyển và phần trên của thạch quyển.

IV. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN, PHÂN BỐ SINH VẬT



B. PHẦN KỸ NĂNG

Vẽ biểu đồ, làm việc với bảng số liệu, biểu đồ. Kỹ năng tính toán.

B. ĐỀ MINH HỌA

Câu 16: Châu lục nào sau đây **không** có thảm thực vật đài nguyên và nhóm đất đài nguyên?

- A. châu Mỹ. B. châu Phi. C. châu Âu. D. châu Á.

Câu 17: Câu 3: Môn Địa lí có liên quan đến nhiều ngành nghề khác nhau trong xã hội là do

- A. nội dung môn Địa lí mang tính tổng hợp. B. ra đời từ rất sớm.
C. vai trò quan trọng của môn Địa lí. C. là môn học độc lập.

Câu 18: Để thể hiện luồng di dân trên bản đồ cần phải dùng phương pháp nào sau đây?

- A. Kí hiệu. B. Chấm điểm.
C. Bản đồ biểu đồ. D. Kí hiệu đường chuyển động.

Câu 19: Ngày nào sau đây ở bán cầu Bắc có thời gian ban ngày ngắn nhất, thời gian ban đêm dài nhất trong năm?

- A. 21/3. B. 22/6. C. 23/9. D. 22/12.

Câu 20: Hàm ếch sóng vỗ thuộc địa hình

- A. mài mòn. B. băng tích. C. bồi tụ. D. thổi mòn.

Câu 21: Vùng cực có mưa ít là do tác động của

- A. áp thấp. B. áp cao. C. frông. D. địa hình.

Câu 22: Nhận xét nào sau đây đúng về phân bố mưa trên Trái Đất?

- A. Xích đạo có lượng mưa lớn nhất. B. Chí tuyến có lượng mưa nhỏ nhất.
C. Ở ôn đới có lượng mưa lớn nhất. D. Ở hai cực có lượng mưa lớn nhất.

Câu 23: Nhận xét nào sau đây đúng về phân bố mưa trên Trái Đất?

- A. Xích đạo có lượng mưa nhỏ nhất, chí tuyến mưa nhiều nhất.
B. Ở vùng nhiệt đới, bờ đông của lục địa mưa nhiều hơn bờ tây.
C. Ở vùng ôn đới, bờ đông của lục địa mưa nhiều hơn bờ tây.
D. Ôn đới có mưa nhiều nhất, vùng chí tuyến có mưa nhỏ nhất.

Câu 24: Việc phá rừng phòng hộ ở thượng nguồn sông, sẽ dẫn tới hậu quả là

- A. mực nước sông quanh năm cao, sông chảy siết.
B. sông sẽ không còn nước, quanh co uốn khúc.
C. mùa lũ nước sông dâng cao đột ngột, mùa cạn cạn kiệt.
D. mực nước sông quanh năm thấp, sông chảy chậm chạp.

Câu 25: Mực nước ngầm trên lục địa ít phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- A. Nguồn cung cấp nước nhiều hay ít. B. Nước từ biển, đại dương thấm vào.
C. Tình trạng của lớp phủ thực vật. D. Địa hình và cấu tạo của đất, đá.

Câu 26: Hai nhân tố chính ảnh hưởng tới tốc độ dòng chảy của sông là

- A. độ dốc và chiều rộng. B. độ dốc và vị trí.
C. chiều rộng và hướng chảy. D. hướng chảy và vị trí.

Câu 27: Kiểu thảm thực vật nào sau đây **không** thuộc vào môi trường đới ôn hòa?

- A. Thảo nguyên. B. Đài nguyên. C. Rừng rậm. D. Rừng lá rộng.

Câu 28: Kiểu thảm thực vật nào sau đây thuộc vào môi trường đới ôn hòa?

- A. Xavan. B. Rừng xích đạo. C. Rừng nhiệt đới ẩm. D. Rừng cận nhiệt ẩm.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)

Câu 1: Cho bảng số liệu:

LƯU LƯỢNG DÒNG CHẢY TRUNG BÌNH THÁNG TẠI TRẠM YÊN THƯỢNG
TRÊN SÔNG CẢ CỦA NƯỚC TA (Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	215	169	150	147	275	419	560	918	1358	1119	561	295

(Nguồn: SGK Địa lí lớp 10)

a. Vẽ biểu đồ đường để thể hiện lưu lượng nước trung bình tháng tại trạm Yên Thượng trên sông Cả.

b. Từ biểu đồ đã vẽ, hãy nhận xét sự phân hóa lưu lượng nước trung bình tháng tại trạm Yên Thượng trên sông Cả.

Câu 2: Phân tích ý nghĩa của biển và đại dương trong việc cung cấp nguyên nhiên liệu, năng lượng cho sự phát triển công nghiệp.

.....HẾT.....

